

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
MÃ CHỨNG KHOÁN: AME

Địa chỉ: số 47 Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại: 04.39367979 Fax: 04.39393676

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

Năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Công ty Cổ phần Alphanam E&C**

Năm báo cáo: Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- **Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Alphanam E&C**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100520683, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 10/9/2013
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 120.000.000.000 VND
- Địa chỉ ĐKKD: Số 47, Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 04.39367979 Fax: 04.39393676
- Website: www.alphanam.com.vn
- Mã cổ phiếu: AME

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện tiền thân là Công ty TNHH Alphanam được thành lập ngày 17/08/1995 có trụ sở chính đặt tại 79 Mai Hắc Đế - Phường Bùi Thị Xuân - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội, giấy phép đăng ký kinh doanh số: 051581 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp. Những năm đầu thành lập, Công ty TNHH Alphanam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Sản xuất và thương mại.
- Năm 2006, Công ty TNHH Alphanam chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0103014620 ngày 17/11/2006 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng), có trụ sở chính đặt tại số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Giai đoạn này, công ty hoạt động theo mô hình công ty đại chúng với các lĩnh vực đa dạng hơn và quy mô lớn hơn.
- Ngày 02/06/2010, Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện đã chính thức niêm yết trên SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán AME.
- Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Địa bàn kinh doanh: trong nước

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty có mô hình quản trị bao gồm: Hội đồng quản trị; Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc và các Phó TGĐ các khối chức năng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có

5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Năm 2016-2017: Vượt qua khó khăn, tổ chức lại việc hoạt động sản xuất kinh doanh với các chiến lược mới.
- Năm 2018-2020: Mục tiêu tăng trưởng đều ở mức 10%-15% năm.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty hội tụ lại 3 lĩnh vực hoạt động chính:

- Kinh doanh truyền thống: Hoạt động nhà thầu duy trì với sự cân bằng về nguồn lực nội tại và nguồn vốn xã hội. Sẵn sàng tăng trưởng theo quy mô.
- Phát triển sản phẩm mới: Tạo kênh phân phối các sản phẩm thiết yếu chất lượng cao nhằm vào phân khúc tiêu dùng tầm trung.
- Hoạt động đầu tư: Khai thác các tài sản hiện có, tích cực hoạt động thuê và cho thuê với các dự án quy mô vừa.

6. Các rủi ro

- Các rủi ro về kinh tế vĩ mô

+ Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

+ Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

- Các rủi ro trong nội tại doanh nghiệp: Nguồn nhân lực, quy mô phát triển mất cân bằng trong các giai đoạn quá độ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Alphanam E&C đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Kết quả hoạt động SXKD của công ty năm 2017 cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Thực hiện/Kế hoạch
1. Tổng tài sản	500.000.000.000	530.851.261.032	1,06
2. Doanh thu thuần	450.000.000.000	761.220.453.834	1,69
3. Lợi nhuận sau thuế	2.500.000.000	12.057.078.810	4,82

Tình hình kinh doanh năm 2017 của công ty có kết quả khá quan với các chỉ tiêu quan trọng đều vượt so với kế hoạch. Tổng tài sản năm 2017 gấp 1,06 lần so với kế hoạch; doanh thu thuần gấp 1,69 lần so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế gấp 4,82 lần so với kế hoạch đề ra. Mặc dù điều kiện kinh tế vẫn còn khó khăn nhưng Công ty vẫn cố gắng hoàn thành và vượt kế hoạch.

2. Tổ chức nhân sự**- Danh sách Ban điều hành:****a) Người đại diện pháp luật**

- Họ và tên: BÙI HOÀNG TUẤN – Chủ tịch HĐQT
- Số CMND : 027063000137
- Cấp ngày: 12/6/2017
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1963
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 4, nhà R, Tập thể đường sắt, Phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế/Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

b) Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: THỊNH THỊ THANH HUYỀN
- Số CMND: 038182000064
- Cấp ngày: 06/11/2013
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/08/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 25, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

c) Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: ĐỖ THỊ MINH ANH
- Số CMND : 001165000562
- Cấp ngày 05/5/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và Dữ liệu quốc gia về dân cư
- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 09/10/1965
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 110 Mai Hắc Đế, P. Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

d) Kế toán trưởng

- Họ và tên: TRƯƠNG THỊ THU HIỀN
- Số CMND: 031176000006
- Cấp ngày: 28/02/2013
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 29/8/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P.506 – E6, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

*) **Những thay đổi trong ban điều hành:** Ngày 27/7/2017, miễn nhiệm Kế toán trưởng: ông Lê Văn Đạt. Ngày 27/7/2017, bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc: bà Đỗ Thị Minh Anh và 01 Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng: bà Trương Thị Thu Huyền.

- Các chính sách đối với người lao động

a) Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Alphanam E&C nhằm hướng tới mục tiêu trang bị cho nhân viên những kiến thức, kỹ năng tiên tiến và thái độ phù hợp để sản xuất và phục vụ khách hàng có hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phát triển tiềm năng của mỗi nhân viên và mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty, hỗ trợ công tác đào tạo và phát triển ở tất cả vị trí và coi đây là sự đầu tư cần thiết bằng cách phân bổ ngân sách hợp lý.

b) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thành lập theo Luật doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong Alphanam Cơ điện được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động và theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, nâng lương đúng hạn...

Công ty luôn quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

c) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày; 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,0 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBNV có trách nhiệm làm thêm giờ và công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBNV đã làm việc tại công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ theo chế độ bảo hiểm quy định, người lao động còn được hưởng lương do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, thiết bị làm việc, đồng thời Alphanam Cơ điện luôn tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Công ty không thực hiện đầu tư trong năm 2017.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

4. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	447.336.726.250	530.851.261.032	18,67%
Doanh thu thuần	407.803.857.634	761.220.453.834	86,66%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.924.781.667	15.962.975.229	445,78%
Lợi nhuận khác	(120.026.730)	(675.923.362)	463,14%
Lợi nhuận trước thuế	2.804.754.937	15.287.051.867	445,04%
Lợi nhuận sau thuế	2.220.099.320	12.057.078.810	443,09%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	185	1.005	443,24%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,12	1,18	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,76	0,92	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,72	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,28	2,58	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,96	6,95	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,91	1,43	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,005	0,016	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,016	0,081	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,005	0,023	
	0,007	0,021	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần:
- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phần.
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.000.000 cổ phần.
- b) Cơ cấu cổ đông:
- Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam: 60%.
 - Các cổ đông khác: 40%.
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty luôn áp dụng mọi biện pháp và nâng cao ý thức cán bộ nhân viên về việc sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Công ty luôn áp dụng mọi biện pháp và nâng cao ý thức cán bộ nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng (điện, nhiên liệu).

6.3. Tiêu thụ nước: Công ty luôn áp dụng mọi biện pháp và nâng cao ý thức cán bộ nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm nước.

6.4. Tuân thủ pháp luật về môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định môi trường: không.
- Tổng số lần do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động: 97 người. Mức lương trung bình của người lao động là khoảng 13,9 triệu đồng/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Các chính sách lao động: chi tiết đã được nêu ở phần trên

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hưởng ứng và ủng hộ các hoạt động mà cơ quan đoàn thể phát động (ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ người nghèo,...)

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN : không phát sinh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 hoạt động kinh doanh của công ty đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Kết quả hoạt động SXKD của công ty năm 2017 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Thực hiện/Kế hoạch
1. Tổng tài sản	500.000.000.000	530.851.261.032	1,06
2. Doanh thu thuần	450.000.000.000	761.220.453.834	1,69
3. Lợi nhuận sau thuế	2.500.000.000	12.057.078.810	4,82

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tình hình kinh doanh năm 2017 của công ty có kết quả khá quan với các chỉ tiêu quan trọng đều vượt so với kế hoạch. Tổng tài sản năm 2017 gấp 1,06 lần so với kế hoạch; doanh thu thuần gấp 1,69 lần so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế gấp 4,82 lần so với kế hoạch đề ra. Mặc dù điều kiện kinh tế vẫn còn khó khăn nhưng Công ty vẫn cố gắng hoàn thành và vượt kế hoạch.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài sản : Trong năm 2017, Công ty chú trọng việc sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty. Tổng tài sản năm 2017 đã tăng 18,67% so với năm 2016. Tỷ lệ nợ phải thu xấu chiếm tỷ lệ không đáng kể nên không ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tình hình nợ phải trả : Nợ phải trả năm 2017 tăng 22,97% so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty có tăng 208,7% các khoản vay ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, cơ cấu các khoản nợ phải trả có thay đổi từ việc giảm nhận tiền ứng trước của người mua (59,84%) chuyển sang tăng đi Vay ngắn hạn 208,7% và tăng phải trả cho người bán ngắn hạn 68,01%. Năm 2017, Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Alphanam vẫn kiên định với định hướng chiến lược đã đề ra, đó là tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính, xây dựng và hoàn thiện các công trình xây dựng. Về trung và dài hạn, Alphanam tiếp tục thực hiện xuyên suốt chính sách phát triển bền vững, chú trọng đến tăng trưởng ổn định và lâu dài.

4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường : Công ty đã sử dụng và tiêu thụ điện năng, tiêu thụ nước phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh ở mức tiết kiệm và không có các hoạt động làm ảnh hưởng tới môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động : Công ty đã thực hiện và đảm bảo đầy đủ chế độ, phúc lợi cho người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương : Công ty luôn hưởng ứng và ủng hộ các hoạt động mà cơ quan đoàn thể phát động (ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ người nghèo,...)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Đối với tình hình kinh tế khó khăn của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị đã đánh giá và lường trước các rủi ro. Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, truyền thống nhằm phát huy thế mạnh... Chính vì vậy Ban lãnh đạo Công ty vẫn chủ động điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và tiến tới vượt qua tình hình khó khăn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể :

- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Công ty, việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm, Tổng Giám đốc và các thành viên được mời tham dự và báo cáo, đồng thời thông báo đầy đủ các thông tin về nội dung cuộc họp để đảm bảo Tổng Giám đốc thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định.

- Trong năm, Hội đồng quản trị không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Phát triển ổn định và bền vững các lĩnh vực cốt lõi, truyền thống.

Tìm hiểu, tận dụng các cơ hội thị trường để mở rộng đầu tư vào các dự án chiến lược, có tiềm năng cao về số lượng và chất lượng do Công ty đầu tư.

Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, phát triển đội ngũ quản lý, gắn trách nhiệm của nhân viên với lợi ích công việc.

V. Quản trị Công ty**1. Hội đồng quản trị :****a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên HĐQT Miễn nhiệm từ 27/05/2017
3	Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên HĐQT
4	Ông Trần Mạnh Thắng	Ủy viên HĐQT Miễn nhiệm từ 27/05/2017
5	Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên HĐQT Miễn nhiệm từ 27/05/2017
6	Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT
7	Ông Phan Anh Sơn	Ủy viên HĐQT Bỏ nhiệm từ 27/05/2017
8	Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT Bỏ nhiệm từ 27/05/2017; Miễn nhiệm từ 6/11/2017

b. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị : không có**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

Trong năm 2017, HĐQT và Ban giám đốc đã tiến hành 4 buổi họp chung nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch cho thời gian tới như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

d. Hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị độc lập: không có

e. Danh sách các thành viên của hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Bà Bùi Kim Yến	Trưởng BKS		2/2	100%	
2	Bà Nguyễn Ánh Ngọc	Phó BKS	Bổ nhiệm từ 27/05/2017	1/2	100%	
3	Bà Hoàng Thị Phương Lan	Thành viên BKS	Miễn nhiệm từ 27/05/2017	1/2	100%	Miễn nhiệm từ 27/05/2017
4	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên BKS		2/2	100%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm 2017.
- Theo dõi Công tác quản trị rủi ro của HĐQT, Ban Tổng giám đốc (tính hợp lệ, hợp pháp của các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, BTGD);
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không hưởng thù lao.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện các quy định về quản trị công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn

Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Bùi Ngọc Hà

Kiểm toán viên

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2018-152-1

2. Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty CP Alphanam E&C được đính kèm ở phần cuối báo cáo này.

Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được công bố tại trang www.hnx.vn của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 44
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Anh Sơn	Ủy viên	
Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017
Ông Trần Mạnh Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017
	Kiểm Kế toán trưởng	
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018



TM. Ban Lãnh đạo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Hoàng Tuấn

Số: 114./2018/BCKT-AASCN**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Phó Giám đốc****Kiểm toán viên****Bùi Ngọc Hà****Trần Thị Mai**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2018-152-1

Headquarters29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in HanoiGlosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		445.483.100.267	340.556.538.041
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.073.139.576	3.317.784.431
1.	Tiền	111		20.965.587.576	3.317.784.431
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.107.552.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	48.160.338.516
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	48.160.338.516
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322.778.199.294	176.059.429.340
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	164.028.153.638	125.872.432.382
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	165.221.484.239	56.088.840.070
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.235.949.168	1.608.046.109
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(9.707.387.751)	(7.509.889.221)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	97.789.533.294	111.322.129.123
1.	Hàng tồn kho	141		97.789.533.294	111.322.129.123
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.842.228.103	1.696.856.631
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	176.335.438	94.513.974
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.665.892.665	1.602.342.657
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.368.160.765	106.780.188.209
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		9.067.868.765	9.724.880.967
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.037.885.435	9.724.880.967
	- Nguyên giá	222		20.631.247.166	19.533.385.683
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.593.361.731)	(9.808.504.716)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	29.983.330	-
	- Nguyên giá	228		215.980.000	180.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(185.996.670)	(180.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	20.653.321.971
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.746.601.969
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(93.279.998)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		76.300.292.000	76.401.985.271
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	76.300.292.000	76.401.985.271
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		530.851.261.032	447.336.726.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		382.485.402.926	311.027.946.954
I.	Nợ ngắn hạn	310		376.026.627.753	303.079.938.065
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	157.635.468.671	93.826.192.386
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	61.622.456.531	153.439.016.249
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.750.035.004	482.901.083
4.	Phải trả người lao động	314		1.135.874.813	825.922.714
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	280.871.198	585.531.002
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	619.770.000	1.720.670.336
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.741.729.527	7.417.629.305
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	138.240.422.009	44.782.074.990
II.	Nợ dài hạn	330		6.458.775.173	7.948.008.889
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	1.162.500.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.595.217.394	4.613.633.894
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.863.557.779	2.171.874.995
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.365.858.106	136.308.779.296
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	148.365.858.106	136.308.779.296
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.524.991.196	15.467.912.386
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15.467.912.386	13.247.813.066
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.057.078.810	2.220.099.320
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		530.851.261.032	447.336.726.250

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang



Trương Thị Thu Hiền



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	761.385.382.363	408.040.097.019
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	164.928.529	236.239.385
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		761.220.453.834	407.803.857.634
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	726.403.185.042	383.324.650.854
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.817.268.792	24.479.206.780
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	310.029.217	15.789.099
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.855.423.428	5.392.589.677
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.948.650.189	5.505.129.319
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.717.909.612	5.576.254.318
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	11.590.989.740	10.601.370.217
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.962.975.229	2.924.781.667
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	391.348.928	58.836.831
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.067.272.290	178.863.561
13.	Lợi nhuận khác	40		(675.923.362)	(120.026.730)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.287.051.867	2.804.754.937
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.229.973.057	584.655.617
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.057.078.810	2.220.099.320
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.005	185
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.005	185

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang



Trương Thị Thu Hiền



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		15.287.051.867	2.804.754.937
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.305.991.132	1.668.138.024
-	Các khoản dự phòng	03		2.955.018.532	2.548.294.623
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		87.253.443	(27.807.167)
-	Chi phí lãi vay	06		5.948.650.189	5.505.129.319
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		26.583.965.163	12.498.509.736
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(149.979.818.492)	(38.386.268.038)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.532.595.829	(29.266.870.818)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.246.713.851)	58.069.481.856
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.871.807	4.888.132.642
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		48.160.338.516	(48.160.338.516)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(5.952.943.985)	(5.547.023.637)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(522.339.241)	(372.017.793)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(93.405.044.254)	(46.276.394.568)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.337.170.681)	(7.946.667.901)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		290.909.091	413.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.746.601.969	48.141.324.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		310.029.217	15.789.099
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		19.010.369.596	40.624.081.562

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		172.696.462.215	67.338.262.177
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(79.546.432.412)	(61.941.087.842)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93.150.029.803	5.397.174.335
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.755.355.145	(255.138.671)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.317.784.431	3.572.923.102
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		22.073.139.576	3.317.784.431

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	76.901.163	165.474.963
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.888.686.413	3.152.309.468
- Các khoản tương đương tiền	1.107.552.000	-
Cộng	22.073.139.576	3.317.784.431

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	48.160.338.516	48.160.338.516
+ Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Hà Tây (*)	-	-	48.160.338.516	48.160.338.516
Cộng	-	-	48.160.338.516	48.160.338.516

(*) Trong năm, Công ty bán 1.521.846 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 đồng/ cổ phần cho Công ty Cổ phần Dầu tư Alphanam.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác								
+ Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Nguyễn (*)	-	-	-	-	20.746.601.969	(93.279.998)	(93.279.998)	20.653.321.971
Cộng					20.746.601.969	(93.279.998)	(93.279.998)	20.653.321.971

(*) Trong năm, Công ty bán 597.298 cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Nguyễn cho Công ty Cổ phần Delta Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	164.028.153.638	125.872.432.382
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	96.802.258.352	74.391.132.483
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	1.869.219.219	16.805.394.482
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	3.860.247.676	3.860.247.676
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	30.949.311.514	2.065.279.398
- Công ty HH tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc	9.989.051.682	1.551.786.419
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	20.558.065.195	27.198.591.924
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	164.028.153.638	125.872.432.382

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	37.651.934.328	3.075.976.867
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	128.881.389	128.881.389
- Công ty Cổ phần Alphanam	-	710.613.601
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	238.485.677	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	30.949.311.514	2.065.279.398
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	25.144.894	42.171.285
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	-	129.031.194
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	5.616.435.873	-
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	55.000.000	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	638.674.981	-
Cộng	37.651.934.328	3.075.976.867

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	165.221.484.239	56.088.840.070
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	-	4.620.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn DP	-	5.100.000.000
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	10.211.602.925	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	61.050.503.914	15.251.367.635
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABB	-	5.940.905.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	-	882.129.981
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	91.217.480.652	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.741.896.748	15.518.388.420
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	165.221.484.239	56.088.840.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	71.262.106.839	24.062.945.392
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	10.211.602.925	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	61.050.503.914	15.251.367.635
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	35.528.723
Cộng	71.262.106.839	24.062.945.392

05. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.235.949.168	-	1.608.046.109	-
- Tạm ứng	120.933.356	-	73.009.425	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.154.336.398	-	358.127.649	-
- Phải thu khác	960.679.414	-	1.176.909.035	-
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	220.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	960.679.414	-	956.909.035	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.235.949.168	-	1.608.046.109	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Công ty TNHH Thống Nhất	-	-	850.800.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	1.158.074.303	3.860.247.676	1.930.123.838
- Các khách hàng khác	5.478.301.801	895.970.890	2.306.081.916	-
Cộng	11.761.432.944	2.054.045.193	9.440.013.059	1.930.123.838

Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong năm:

Đối tượng	Số đầu năm	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm
		Số trích lập	Số xoá nợ	Số hoàn nhập		
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	-	-	-	1.037.788.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	700.000.000	-	-	-	-	700.000.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-	-	850.800.000	-	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	-	-	-	1.385.095.467
- Công ty cổ phần giấy An Hoà	1.930.123.838	772.049.535	-	-	-	2.702.173.373
- Công ty XD Công trình 507 tại Quảng Ninh-V Đàng, Truyền Hình	-	702.482.768	-	-	-	702.482.768
- Công ty CP Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	-	-	-	651.420.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Địa Long	-	340.000.000	-	-	-	340.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hà Nội	-	193.031.128	-	-	-	193.031.128
- Công ty TNHH Phụng Dừng	-	119.692.263	-	-	-	119.692.263
- Ban QLDA-Sở LĐTĐ & Xã Hội Hà Nội	-	243.247.499	-	-	-	243.247.499
- Các khách hàng khác	954.661.916	677.795.337	-	-	-	1.632.457.253
Cộng	7.509.889.221	3.048.298.530	850.800.000	-	-	9.707.387.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.100.532.901	-	54.172.789.362	-
- Thành phẩm	15.268.182	-	15.268.182	-
- Hàng hoá	29.673.732.211	-	57.134.071.579	-
Cộng	97.789.533.294	-	111.322.129.123	-

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	3.397.198.775	14.291.689.760	765.988.108	19.533.385.683
- Mua trong năm	-	177.600.000	1.415.553.545	708.037.136	2.301.190.681
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.203.329.198)	-	(1.203.329.198)
Số dư cuối năm	1.078.509.040	3.574.798.775	14.503.914.107	1.474.025.244	20.631.247.166
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	864.335.126	7.404.606.684	461.053.866	9.808.504.716
- Khấu hao trong năm	-	420.851.516	1.668.740.398	210.402.548	2.299.994.462
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(515.137.447)	-	(515.137.447)
Số dư cuối năm	1.078.509.040	1.285.186.642	8.558.209.635	671.456.414	11.593.361.731
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	2.532.863.649	6.887.083.076	304.934.242	9.724.880.967
2. Tại ngày cuối năm	-	2.289.612.133	5.945.704.472	802.568.830	9.037.885.435

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.212.900.241 đồng.

Nguyên giá và Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.716.691.064 VND và 4.955.973.573 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>
- Mua trong năm	35.980.000	35.980.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>215.980.000</i>	<i>215.980.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>
- Khấu hao trong năm	5.996.670	5.996.670
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>185.996.670</i>	<i>185.996.670</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>29.983.330</i>	<i>29.983.330</i>

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	176.335.438	94.513.974
- Chi phí bảo hiểm	78.994.699	34.227.178
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.157.728	44.567.432
- Chi phí khác	96.183.011	15.719.364
b. Dài hạn	76.300.292.000	76.401.985.271
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	744.335.698	975.991.472
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	1.314.997.499	3.576.453.909
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	44.006.060.674	44.969.697.022
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	21.587.878.808	22.060.606.076
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	1.727.867.093	212.914.061
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	3.537.804.203	1.119.052.506
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	2.615.504.398	2.752.402.786
- Chi phí khác	765.843.627	734.867.439
Cộng	76.476.627.438	76.496.499.245

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- <i>Vay ngân hàng</i>	44.782.074.990	44.782.074.990	173.004.779.431	79.546.432.412	138.240.422.009	138.240.422.009
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	42.868.517.207	42.868.517.207	171.780.862.215	77.781.699.896	136.867.679.526	136.867.679.526
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	23.500.000.000	23.500.000.000	17.172.232.827	23.500.000.000	17.172.232.827	17.172.232.827
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	13.521.608.557	13.521.608.557	29.113.182.689	42.634.791.246	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam	5.846.908.650	5.846.908.650	5.800.000.000	11.646.908.650	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình ^(b)	-	-	119.695.446.699	-	119.695.446.699	119.695.446.699
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.913.557.783	1.913.557.783	1.223.917.216	1.764.732.516	1.372.742.483	1.372.742.483
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	125.000.000	125.000.000	281.250.000	406.250.000	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam	1.101.057.779	1.101.057.779	-	595.933.332	505.124.447	505.124.447
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	-	-	255.167.212	75.049.180	180.118.032	180.118.032
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn						
Từ 1 năm đến 5 năm	2.171.874.995	2.171.874.995	915.600.000	1.223.917.216	1.863.557.779	1.863.557.779
Vay ngắn hạn	2.171.874.995	2.171.874.995	915.600.000	1.223.917.216	1.863.557.779	1.863.557.779
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	281.250.000	281.250.000	-	281.250.000	-	-
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	-	-	915.600.000	255.167.212	660.432.788	660.432.788
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.890.624.995	1.890.624.995	-	687.500.004	1.203.124.991	1.203.124.991
Cộng	46.953.949.985	46.953.949.985	173.920.379.431	80.770.349.628	140.103.979.788	140.103.979.788

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là từ 8,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng kế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 9,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á và quyền đòi nợ từ các đối tác đầu ra của phương án kinh doanh do ngân hàng cấp tín dụng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để bù đắp chi phí đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.88. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 8,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	157.635.468.671	157.635.468.671	93.826.192.386	93.826.192.386
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	-	12.093.165.193	12.093.165.193
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	13.439.704.564	13.439.704.564	24.575.629.587	24.575.629.587
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.353.530.880	24.353.530.880	8.620.847.121	8.620.847.121
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	-	-	6.996.909.959	6.996.909.959
- Công ty TNHH Tư vấn DP	11.055.968.685	11.055.968.685	-	-
- Công ty CP Đầu tư xây lắp Đông Dương	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024
- Công ty CP Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	10.883.116.510	10.883.116.510	-	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	7.156.602.879	7.156.602.879	4.842.740.774	4.842.740.774
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	85.636.365.129	85.636.365.129	31.586.719.728	31.586.719.728
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	1.162.500.000	1.162.500.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	-	1.162.500.000	1.162.500.000
Cộng	157.635.468.671	157.635.468.671	94.988.692.386	94.988.692.386

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán ngắn hạn	36.942.875.601	36.942.875.601	14.811.534.580	14.811.534.580
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	3.264.147.345	3.264.147.345	38.332.722	38.332.722
- Công ty Cổ phần Alphanam Nam Sài Gòn	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	7.156.602.879	7.156.602.879	4.842.740.774	4.842.740.774
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	-	251.723.953	251.723.953
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.353.530.880	24.353.530.880	8.620.847.121	8.620.847.121
- Tổng Công ty Cổ phần Dầu tư và XNK Foodinco	1.110.704.487	1.110.704.487	-	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	194.524.147	194.524.147	194.524.147	194.524.147
Phải trả cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	36.942.875.601	36.942.875.601	14.811.534.580	14.811.534.580

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	61.622.456.531	61.622.456.531	153.439.016.249	153.439.016.249
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	-	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	14.031.021.060	14.031.021.060	24.781.021.060	24.781.021.060
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	39.985.836.842	39.985.836.842	-	-
- Ban QLDA phát triển điện lực - TCT Điện lực miền Bắc	-	-	6.457.292.106	6.457.292.106
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	7.605.598.629	7.605.598.629	9.727.955.650	9.727.955.650
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	61.622.456.531	61.622.456.531	153.439.016.249	153.439.016.249

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	41.192.939.341	41.192.939.341	115.804.493.645	115.804.493.645
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	-	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	39.985.836.842	39.985.836.842	-	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	1.207.102.499	1.207.102.499	3.331.746.212	3.331.746.212
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	41.192.939.341	41.192.939.341	115.804.493.645	115.804.493.645

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	10.328.988.745	5.118.644.492	-	5.210.344.253
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	432.575.111	3.229.973.057	522.339.241	-	3.140.208.927
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.325.972	386.361.345	56.634.569	-	380.052.748
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	205.960.999	186.531.923	-	19.429.076
Cộng	-	482.901.083	14.151.284.146	5.884.150.225	-	8.750.035.004

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	280.871.198	585.531.002
- Chi phí lãi vay	280.871.198	49.641.731
- Phải trả chi phí công trình	-	535.889.271
b. Dài hạn	-	-
Cộng	280.871.198	585.531.002

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	7.741.729.527	7.417.629.305
- Kinh phí công đoàn	742.374.083	658.175.421
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.999.355.444	6.759.453.884
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	6.500.000.000	6.020.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	370.315.025	370.315.025
+ Các đối tượng khác	129.040.419	369.138.859
b. Dài hạn	4.595.217.394	4.613.633.894
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.595.217.394	4.613.633.894
Cộng	12.336.946.921	12.031.263.199

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	619.770.000	1.720.670.336
- Doanh thu nhận trước	619.770.000	1.720.670.336
b. Dài hạn	-	-
Cộng	619.770.000	1.720.670.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	13.247.813.066	134.088.679.976
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.220.099.320	2.220.099.320
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	15.467.912.386	136.308.779.296
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	12.057.078.810	12.057.078.810
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	840.866.910	27.524.991.196	148.365.858.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60	72.001.000.000	60
Vốn góp của các cổ đông khác	47.999.000.000	40	47.999.000.000	40
Cộng	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-
Cộng	7.470.333.305	6.619.533.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	205.897.884.827	250.232.111.109
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.065.583.010	4.558.812.366
Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.246.660.031	14.523.265.495
Doanh thu hợp đồng xây dựng	528.175.254.495	138.725.908.049
Cộng	761.385.382.363	408.040.097.019

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	106.276.269.924	4.513.890.360
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	2.071.718.022	2.045.324.358
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	333.541.748.740	92.814.065.149
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	8.083.438.448	156.401.448
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	2.773.342.449	1.886.301.574
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	6.912.431.801	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	-	38.337.532
Cộng	459.658.949.384	101.454.320.421

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	164.928.529	236.239.385
Cộng	164.928.529	236.239.385

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	188.859.617.489	242.673.648.163
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.384.251.493	3.433.121.483
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	9.500.119.540	9.231.848.508
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	517.659.196.520	127.986.032.700
Cộng	726.403.185.042	383.324.650.854

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	310.029.217	15.789.099
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	310.029.217	15.789.099

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	5.948.650.189	5.505.129.319
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	53.237	123.533
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(93.279.998)	(112.663.175)
Cộng	5.855.423.428	5.392.589.677

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	12.141.601
- Hàng được tặng	101.502.500	-
- Các khoản khác	289.846.428	46.695.230
Cộng	391.348.928	58.836.831

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	-	154.107.399
- Các khoản bị phạt hành chính	76.348.325	24.742.575
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	397.282.660	-
- Các khoản khác	593.641.305	13.587
Cộng	1.067.272.290	178.863.561

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	11.590.989.740	10.601.370.217
- Chi phí nhân viên quản lý	1.793.320.337	2.117.894.709
- Chi phí khấu hao TSCĐ	593.381.674	346.075.031
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.298.530	4.860.622.773
- Chi phí dự phòng	3.662.953.525	2.717.691.863
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.493.035.674	559.085.841
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.717.909.612	5.576.254.318
- Chi phí nhân viên	993.142.931	3.563.618.811
- Chi phí vật liệu, bao bì	114.850.684	6.372.546
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.346.063	1.525.505.564
- Các khoản chi phí bán hàng khác	105.569.934	480.757.397
Cộng	13.308.899.352	16.177.624.535

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.140.208.927	584.655.617
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	89.764.130	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.229.973.057	584.655.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.287.051.867	2.804.754.937
Các khoản điều chỉnh tăng	413.992.769	118.523.145
- Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	337.644.444	93.780.570
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	76.348.325	24.742.575
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	15.701.044.636	2.923.278.082
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	3.140.208.927	584.655.617
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.140.208.927	584.655.617

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.005	185

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.005	185

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.909.625.095	54.226.679.368
- Chi phí nhân công	14.173.831.657	13.940.530.687
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.305.991.132	1.668.138.024
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.559.953.006	104.689.620.742
- Chi phí khác bằng tiền	3.782.511.024	8.632.498.843
- Chi phí dự phòng	3.048.298.530	4.860.622.773
Cộng	564.780.210.444	188.018.090.437

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên HĐQT		
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	46.620.000.000	56.900.000.000
+ Vay tiền (không tính lãi)	47.100.000.000	51.020.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên HĐQT		
+ Phải trả phải nộp khác (không tính lãi)	6.500.000.000	6.020.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc		
+ Phải trả phải nộp khác	370.315.025	370.315.025
Cộng nợ phải trả	6.870.315.025	6.390.315.025

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	890.628.439	768.850.000
Cộng	890.628.439	768.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung

Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn

Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (trước đây là Công ty Liên doanh Fuji – Alpha)

Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây

Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam

Công ty Cổ phần Alphanam (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Food)

Công ty cổ phần công trình giao thông 118 – MOMOTA

Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	70.200.416.011	171.214.970.188
Mua Tài sản cố định	-	500.000.000
Bán Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	48.141.324.000
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	-	48.160.338.516
Bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	48.160.338.516	-
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		
Mua hàng hóa	26.081.777.366	8.078.042.837
Công ty Cổ phần Alphanam		
Chi phí tổ chức sự kiện	-	162.385.000
Mua hàng	5.780.349.939	27.534.050
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	1.915.902.376	2.280.699.230
Mua hàng hóa	11.071.062.364	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	3.120.441.632	446.196.566
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC		
Dịch vụ bảo trì thang máy	484.582.309	227.945.454
Mua hàng hóa	16.833.382.676	31.692.397.608
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
Mua hàng hóa	8.301.471	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên		
Mua hàng hóa	5.373.388.769	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco		
Mua hàng hóa	1.009.731.352	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.12 và V.13 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Phải thu khác	-	220.000.000
Cộng nợ phải thu	-	220.000.000

03. Thuê hoạt động***Các hợp đồng đi thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.626.559.849	4.633.716.364
Trên 1 năm đến 5 năm	12.366.049.244	7.464.865.455
Trên 5 năm	26.794.690.530	42.819.384.242
Cộng	42.787.299.623	54.917.966.061

- Công ty thuê toàn bộ tòa nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	15.347.818.973	13.939.478.344
Trên 1 năm đến 5 năm	31.654.122.658	29.462.644.054
Trên 5 năm	1.010.114.119	14.904.774.960
Cộng	48.012.055.750	58.306.897.358

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.

- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018 và một phần cho thuê trong thời hạn 09 năm kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	287.724.762.638	438.663.384.217	34.832.306.979	761.220.453.834
- Chi phí trực tiếp	276.561.399.066	416.466.761.465	33.375.024.571	726.403.185.102
- Chi phí phân bổ	7.126.512.580	10.865.036.771	862.744.152	18.854.293.503
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.036.850.992	11.331.585.981	594.538.256	15.962.975.229
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.503.379.832			10.503.379.832
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.208.460.980	431.758.912	-	10.640.219.892
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	123.010.783.065	187.541.475.053	14.891.833.841	325.444.091.959
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	69.279.173.533	105.667.835.613	8.387.020.351	183.334.029.497
- Tài sản không phân bổ				22.073.139.576
Tổng tài sản	192.289.956.598	293.209.310.666	23.278.854.192	530.851.261.032
- Nợ phải trả bộ phận	135.617.784.996	206.771.079.490	16.418.052.709	358.806.917.195
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	709.937.200	1.082.365.842	85.945.854	1.878.248.896
- Nợ phải trả không phân bổ				21.800.236.835
Tổng nợ phải trả	136.327.722.196	207.853.445.332	16.503.998.563	382.485.402.926

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	278.145.139.562	90.650.472.618	39.008.245.454	407.803.857.634	
- Chi phí trực tiếp	264.062.047.570	83.352.333.696	35.910.269.588	383.324.650.854	
- Chi phí phân bổ	14.701.328.761	4.791.320.109	2.061.776.243	21.554.425.113	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(618.236.769)	2.506.818.813	1.036.199.623	2.924.781.667	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.695.945.489	-	-	10.695.945.489	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.332.711.347	2.063.898.285	888.126.102	9.284.735.734	
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	206.135.360.953	1.638.583.081	8.363.095.820	216.137.039.854	
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	141.341.532.761	46.064.715.585	19.822.331.648	207.228.579.994	
- Tài sản không phân bổ				23.971.106.402	
Tổng tài sản	347.476.893.714	47.703.298.666	28.185.427.468	447.336.726.250	
- Nợ phải trả bộ phận	261.123.589.535	194.524.147	16.689.823.282	278.007.936.964	
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.521.501.735	7.339.998.029	3.158.510.226	33.020.009.990	
- Nợ phải trả không phân bổ				-	
Tổng nợ phải trả	283.645.091.270	7.534.522.176	19.848.333.508	311.027.946.954	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
Năm nay				Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	527.811.383.472	200.583.913.891	32.825.156.471	761.220.453.834
- Tài sản bộ phận	368.047.731.455	139.869.007.728	22.889.283.468	530.806.022.651
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	7.282.783.079	2.767.672.657	452.924.097	10.503.379.832
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	131.335.326.191	249.762.742.546	26.705.788.897	407.803.857.634
- Tài sản bộ phận	144.067.089.507	273.974.964.921	29.294.671.822	447.336.726.250
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.444.684.162	6.550.817.579	700.443.747	10.695.945.489

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.073.139.576	-	3.317.784.431	-	22.073.139.576	3.317.784.431
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.988.833.052	(9.591.988.663)	127.049.341.417	(7.509.889.221)	155.396.844.389	120.505.651.284
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-	68.906.940.485	(93.279.998)	-	68.813.660.487
Cộng	187.061.972.628	(9.591.988.663)	199.274.066.333	(7.603.169.219)	177.469.983.965	192.637.096.202

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	157.635.468.671	94.988.692.386	157.635.468.671	94.988.692.386
Vay và nợ	140.103.979.788	46.953.949.985	140.103.979.788	46.953.949.985
Chi phí phải trả	280.871.198	585.531.002	280.871.198	585.531.002
Các khoản phải trả khác	11.594.572.838	11.373.087.778	11.594.572.838	11.373.087.778
Cộng	309.614.892.495	153.901.261.151	309.614.892.495	153.901.261.151

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	157.632.033.671	-	-	157.632.033.671
Vay và nợ	138.240.422.009	1.863.557.779	-	140.103.979.788
Chi phí phải trả	360.171.198	-	-	360.171.198
Các khoản phải trả khác	6.999.355.444	4.595.217.394	-	11.594.572.838
Cộng	303.231.982.322	6.458.775.173	-	309.690.757.495
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	93.826.192.386	1.162.500.000	-	94.988.692.386
Vay và nợ	44.782.074.990	2.171.874.995	-	46.953.949.985
Chi phí phải trả	585.531.002	-	-	585.531.002
Các khoản phải trả khác	6.759.453.884	4.613.633.894	-	11.373.087.778
Cộng	145.953.252.262	7.948.008.889	-	153.901.261.151

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Tuấn Trang

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn